CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn ASG

Ngày 30/06/2025	17,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.3%	**-2.2%**	**-5.1%**

DT thuần
Q2/25
542
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 48.0| 9.8%
YoY: ▲ 85.0| 18.7%

LN thuần
Q2/25
33.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.20| 6.9%
YoY: ▼2.60| -7.3%

LN sau thuế
Q2/25
28.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.00| 16.4%
YoY: ▼0.70| -2.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
8.3%
YoY: +/-▼ 0.4%

ROE (TTM)
Q2/25
2.0%
YoY: +/-▲ 0.1%

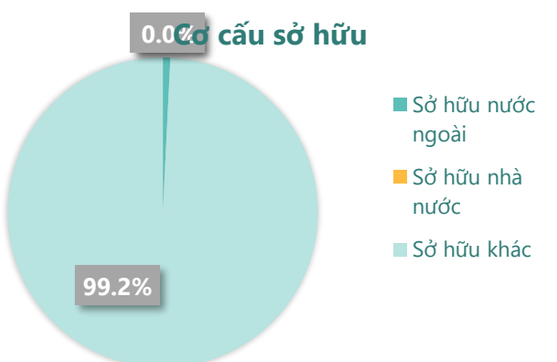
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,850 - 20,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,589
Số lượng CPLH (CP)	90,784,669
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,660
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.08
EPS	460
P/E	38.1

DT thuần
6T 2025
1,036
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 112| 12.1%

LN thuần
6T 2025
64.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.5| 43.1%

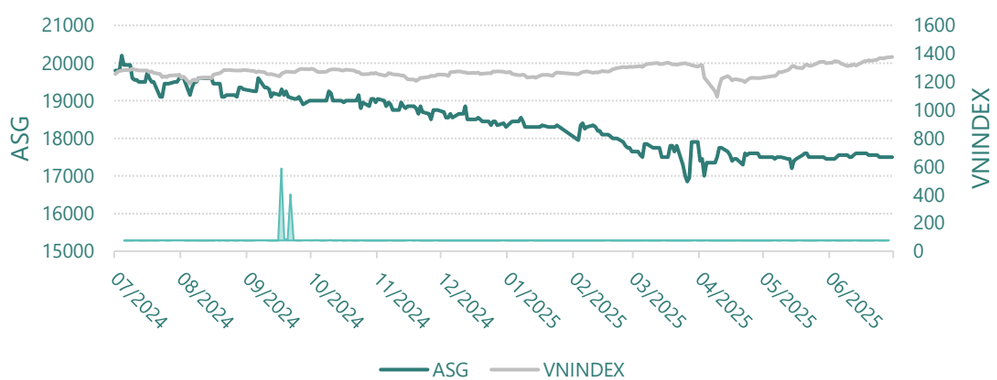
LN sau thuế
6T 2025
52.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.5| 69.7%

Cơ cấu sở hữu

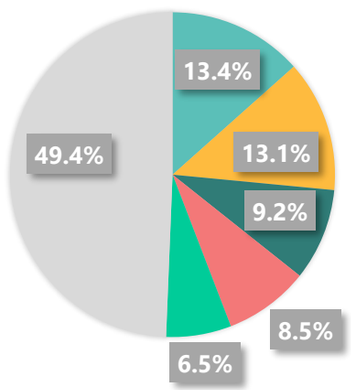


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



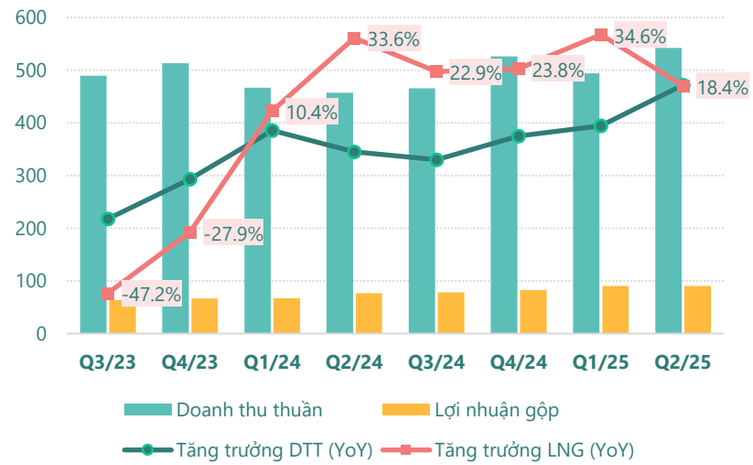
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

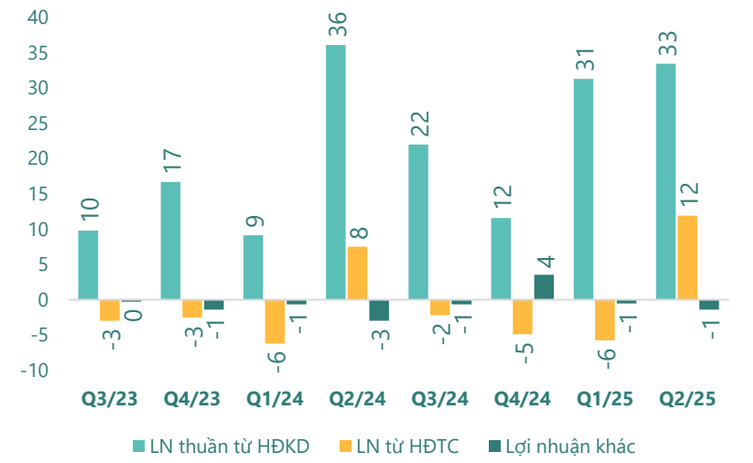
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



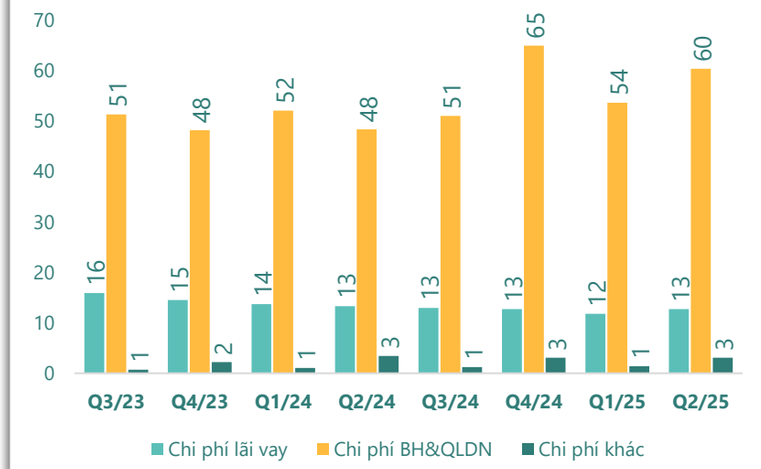
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



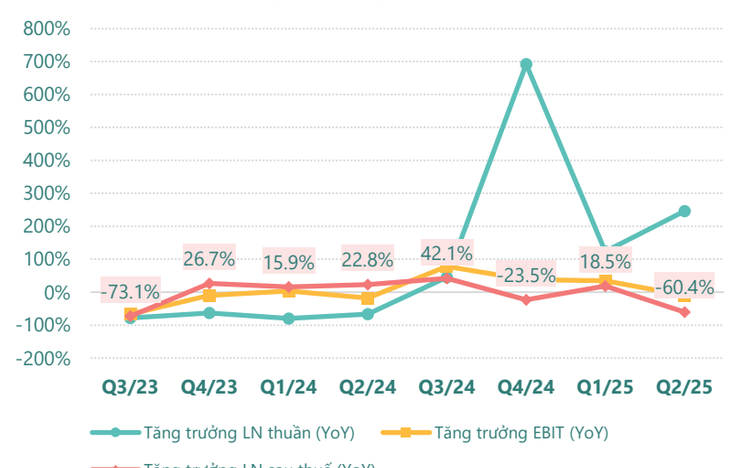
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



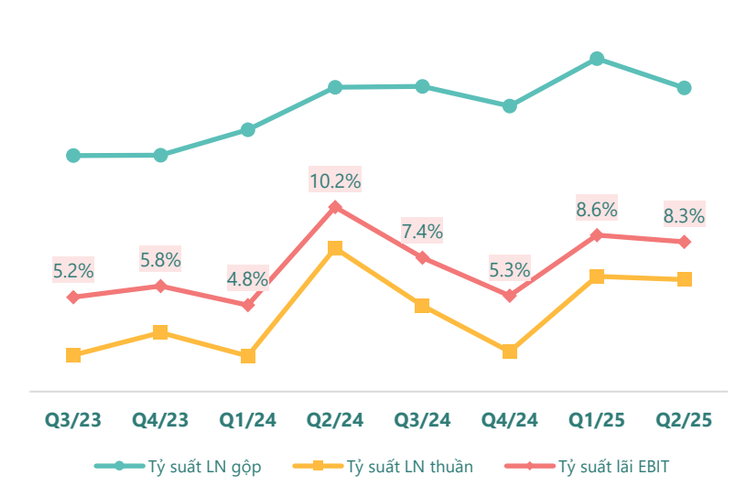
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



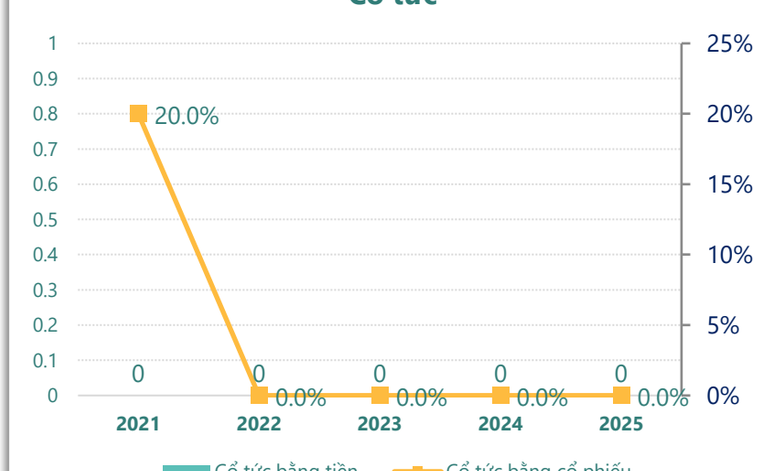
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

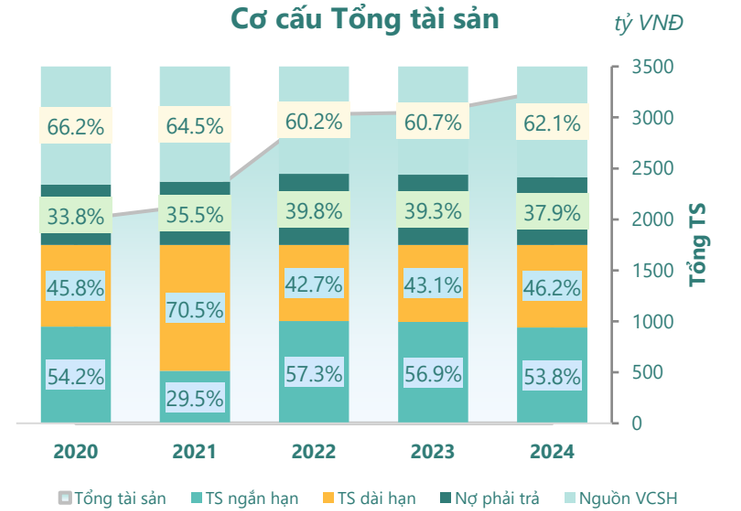
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

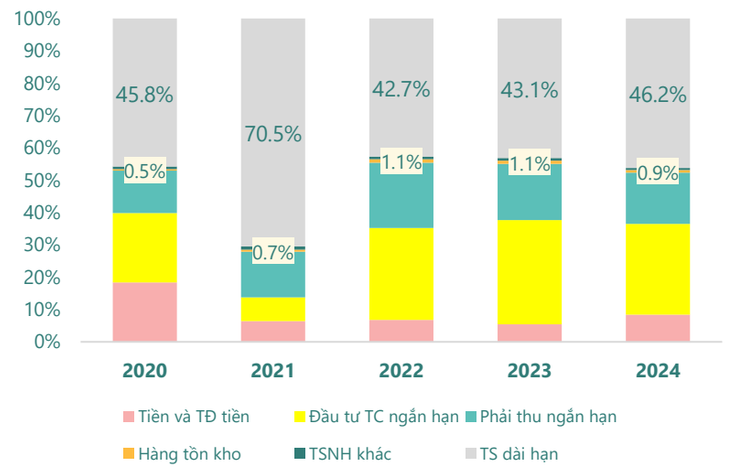
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



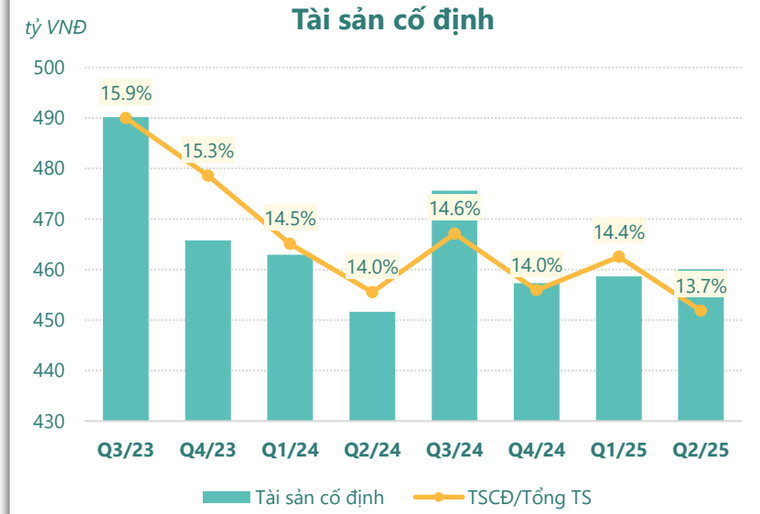
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



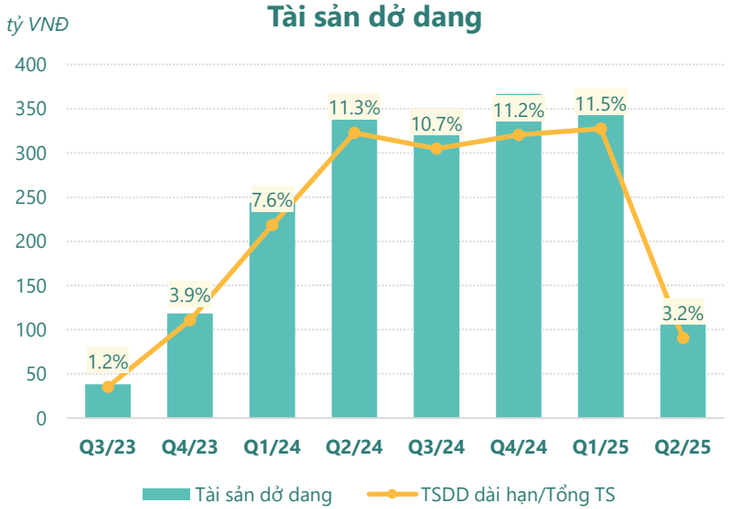
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



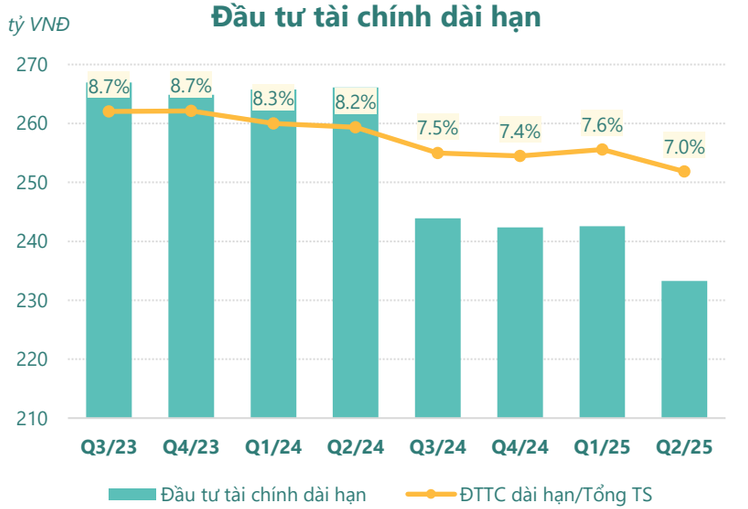
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



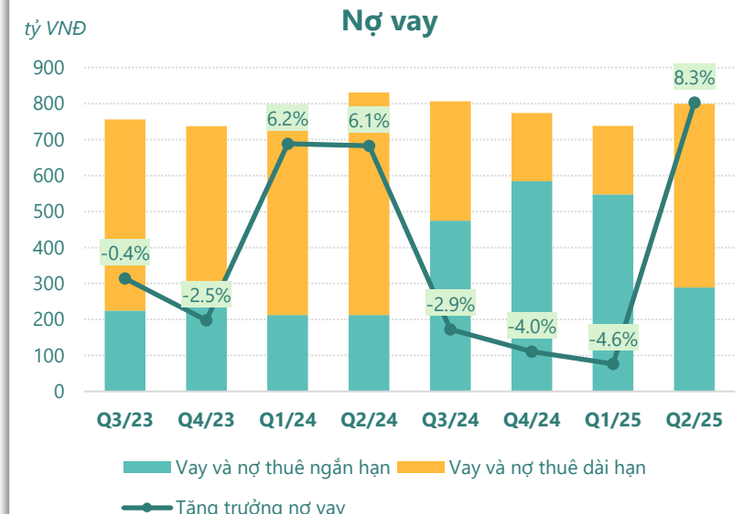
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

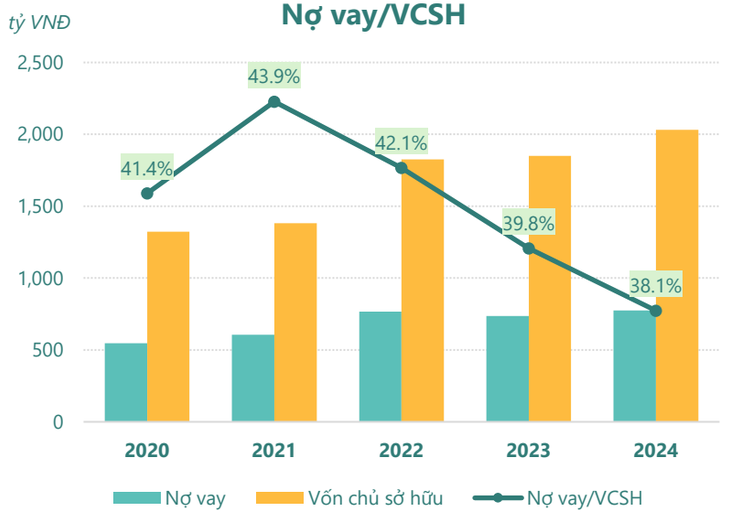
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



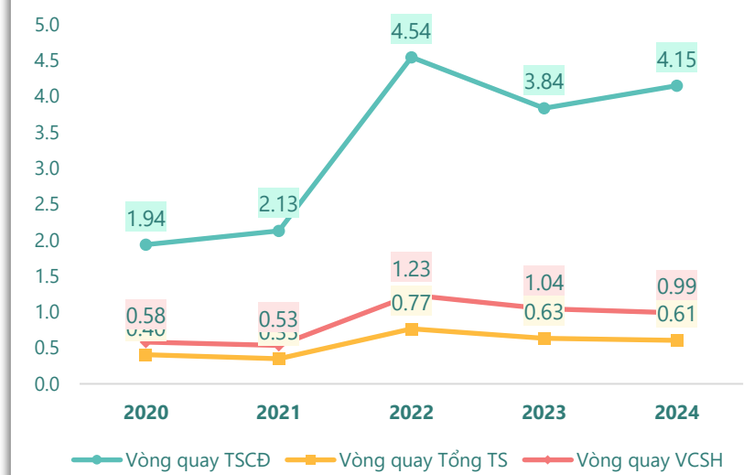
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



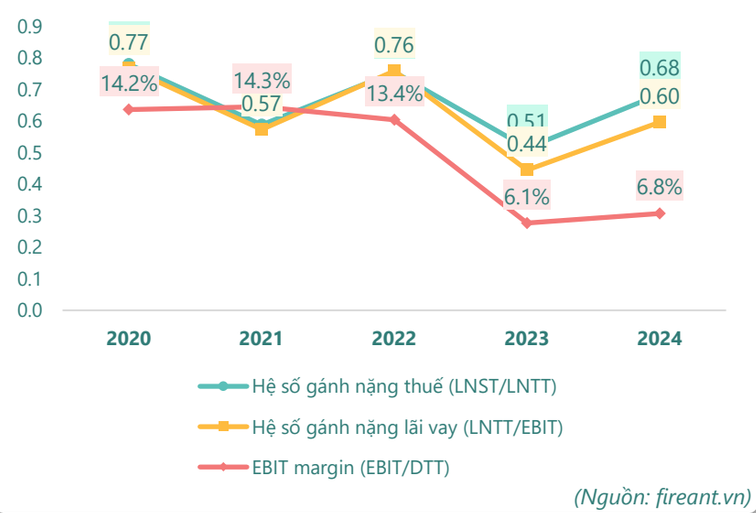
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



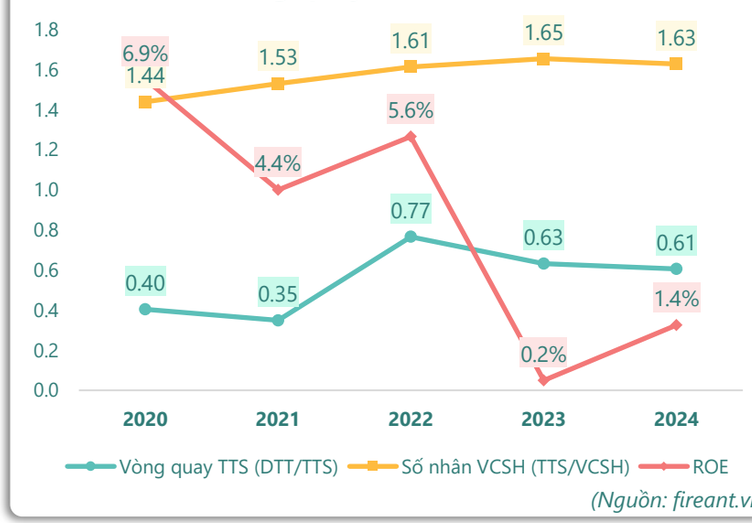
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



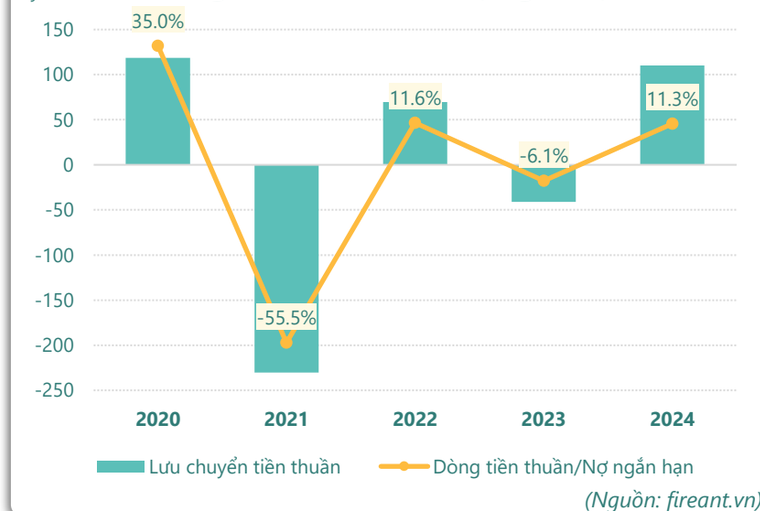
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**542**	**457**	**18.7%**	**1,036**	**924**	**12.1%**
Giá vốn hàng bán	452	381	18.5%	855	780	9.6%
Lợi nhuận gộp	90.8	76.7	18.3%	181	144	26.0%
Doanh thu HĐTC	29.6	20.2	46.8%	36.6	28.5	28.5%
Chi phí TC	17.7	12.6	40.7%	30.4	27.1	12.1%
Chi phí lãi vay	12.7	13.3	-4.3%	24.5	27.1	-9.4%
LN trong công ty LKLD	**-8.81**	**0.31**	**-2941%**	**-8.63**	**0.47**	**-1950%**
Chi phí bán hàng	5.35	4.07	31.5%	9.91	8.62	14.9%
Chi phí QLDN	**55.1**	**44.3**	**24.3%**	**104**	**91.9**	**13.4%**
LN thuần từ HĐKD	33.5	36.1	-7.3%	64.8	45.3	43.1%
Lợi nhuận khác	**-1.42**	**-2.97**	**52.3%**	**-1.96**	**-3.62**	**45.8%**
LN trước thuế	32.0	33.2	-3.5%	62.8	41.7	50.8%
Lợi nhuận sau thuế	**28.3**	**29.0**	**-2.4%**	**52.5**	**31.0**	**69.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.5**	**18.2**	**7.3%**	**34.9**	**21.0**	**66.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.5	43.8	94.2	-15.6	37.4	23.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-106	-110	7.63	8.46	-14.0	-87.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	197	27.1	-24.6	-33.6	-37.0	65.4
Tiền đầu kỳ	166	279	239	317	276	262
Lưu chuyển tiền thuần	**113**	**-39.4**	**77.2**	**-40.7**	**-13.7**	**1.96**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	-0.07	0.04	-0.03	0.04	-0.03
Tiền cuối kỳ	279	239	317	276	262	264

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,346**	**3,271**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,821	1,759	3.5%
Tiền và tương đương tiền	264	276	-4.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	901	917	-1.7%
Phải thu ngắn hạn	600	518	15.7%
Hàng tồn kho	31.9	28.0	13.8%
Tài sản ngắn hạn khác	23.2	19.5	19.2%
Tài sản dài hạn	**1,525**	**1,512**	**0.9%**
Phải thu dài hạn	318	37.4	752%
Tài sản cố định	460	457	0.6%
Bất động sản đầu tư	13.2	1.86	608%
Tài sản dở dang	106	367	-71.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	233	242	-3.7%
Tài sản dài hạn khác	**275**	**275**	**-0.2%**
Lợi thế thương mại	120	131	-8.6%
Nợ phải trả	1,274	1,239	2.8%
Nợ ngắn hạn	**693**	**978**	**-29.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	289	584	-50.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	226	254	-11.0%
Nợ dài hạn	581	261	122%
Vay và nợ thuê dài hạn	511	190	169%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,072**	**2,032**	**2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**2,072**	**2,032**	**2.0%**
Vốn điều lệ	908	908	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)